

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
1	101583	CHU NGỌC PHƯƠNG ANH	25/08/2004	Nữ	3	20.75	
2	102157	TIÊU HỒNG BẢO NGỌC	11/04/2004	Nữ	3	22.5	
3	102271	LÊ NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	23/06/2004	Nữ	1	19.75	
4	102664	HUỶNH THANH AN	24/04/2004	Nam	3	19.75	
5	102675	HUỶNH QUỐC ANH	23/09/2004	Nam	3	18	
6	102682	NGUYỄN LÊ DIỆU ANH	14/01/2004	Nữ	3	18.25	
7	102697	TRẦN TUẤN ANH	16/02/2004	Nam	3	18.25	
8	102716	TRƯƠNG THỊ HÒA BÌNH	20/05/2003	Nữ	3	19.5	
9	102722	TRƯƠNG THỊ HỒNG CÚC	06/11/2004	Nữ	3	18.5	
10	102801	NGUYỄN VIỆT HƯƠNG	30/08/2004	Nữ	3	18.75	
11	102820	TRỊNH HỮU KHANH	09/06/2004	Nam	3	18.5	
12	102922	PHAN Ý NHƯ	26/09/2004	Nữ	3	19.5	
13	102930	NGÔ THANH PHONG	02/07/2004	Nam	3	19.25	
14	102962	ĐOÀN KIM SÁNG	28/04/2004	Nam	3	19.75	
15	102966	LÊ NGUYỄN THÀNH TÀI	17/11/2004	Nam	3	18.25	
16	103003	LÂM MINH THUẬN	30/01/2004	Nam	3	19	
17	103010	HOÀNG THỊ CẨM TIÊN	25/04/2004	Nữ	3	22.25	
18	103055	NGUYỄN THANH TUẤN	22/09/2004	Nam	3	18.5	
19	103072	NGUYỄN ĐỨC MINH VŨ	01/08/2004	Nam	3	19.75	
20	103133	PHẠM HỒNG ĐÀO	21/02/2004	Nữ	3	21.5	
21	103139	PHẠM GIA ĐẠT	22/10/2004	Nam	2	17.75	
22	103140	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	11/08/2004	Nam	2	19	
23	103144	NGUYỄN DƯƠNG ĐÔNG	03/03/2004	Nam	2	18.75	
24	103170	DANH ĐẶNG THƯỜNG HẰNG	01/07/2004	Nữ	3	19.5	
25	103181	BÙI THANH HIỆP	23/01/2004	Nam	2	21.25	
26	103209	NGUYỄN LÊ GIA HUY	18/03/2004	Nam	2	18.75	
27	103226	LƯU ĐĂNG KHOA	15/07/2004	Nam	3	19	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
28	103233	LÊ ANH KHÔI	16/03/2004	Nam	3	18	
29	103241	TRẦN DƯƠNG GIA KỲ	01/02/2004	Nữ	3	18	
30	103254	TIỀN HUỆ LINH	05/11/2004	Nữ	2	19.5	
31	103265	NGUYỄN NGỌC MAI	16/07/2004	Nữ	2	19.5	
32	103267	PHẠM HIỆP MẠNH	14/09/2004	Nam	2	17.5	
33	103280	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG NAM	11/09/2004	Nam	2	18	
34	103284	PHẠM KIM NGÂN	16/03/2004	Nữ	2	22	
35	103287	NGUYỄN TRẦN KIM NGÂN	18/04/2004	Nữ	3	20	
36	103339	LÊ TRỌNG PHÚC	10/09/2004	Nam	2	21.25	
37	103349	CHUNG NGỌC UYÊN PHƯƠNG	24/04/2004	Nữ	2	19.75	
38	103415	LÝ THỊ THANH TRÂM	27/09/2004	Nữ	2	22	
39	103423	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	15/09/2004	Nữ	3	19.25	
40	103430	NGUYỄN TIẾN TRIỂN	15/03/2004	Nam	3	19.75	
41	103490	LÊ THỊ TRƯỜNG AN	06/08/2004	Nữ	2	17.5	
42	103548	NGUYỄN MINH GIA ĐẠI	22/10/2004	Nam	3	19.25	
43	103596	LÝ MỸ HẠNH	21/05/2004	Nữ	3	18.5	
44	103682	NGUYỄN HÀ LINH	21/08/2003	Nữ	3	18	
45	103729	HÀ NGUYỄN NGỌC MỸ	29/12/2004	Nữ	3	19.25	
46	103736	NGUYỄN QUỐC NAM	08/06/2004	Nam	3	18.5	
47	103782	ĐỖ ÁNH THU NGUYỆT	02/01/2004	Nữ	3	19.25	
48	103787	NGUYỄN TRUNG NHÂN	01/09/2004	Nam	3	18.25	
49	103788	TRẦN ĐỨC NHÂN	05/02/2004	Nam	3	22	
50	103832	LÊ TẤN PHÚ	09/06/2004	Nam	3	19.75	
51	103934	TRẦN NGỌC THIÊN	15/06/2004	Nam	3	18.5	
52	103950	PHÚ NGỌC ANH THƯ	02/06/2004	Nữ	2	17.75	
53	106367	LÊ ĐỨC TIẾN	11/05/2004	Nam	3	21.5	
54	118689	VÕ NHẬT AN	22/12/2004	Nữ	1	19.75	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
55	118691	LÊ HỒNG ÂN	19/05/2004	Nữ	2	22.5	
56	118692	LÊ NHẬT TRÚC ÂN	20/10/2004	Nữ	2	22.5	
57	118694	BÙI QUỐC ANH	07/11/2003	Nam	1	21.5	
58	118695	CAO NHẬT ANH	07/12/2004	Nam	1	21.5	
59	118696	ĐÌNH THỊ NGỌC ANH	22/04/2004	Nữ	1	24.5	
60	118699	NGUYỄN ĐOÀN VÂN ANH	27/04/2004	Nữ	1	17.75	
61	118701	NGUYỄN TUẤN ANH	02/05/2004	Nam	1	20	
62	118704	PHẠM HOÀNG DUY ANH	12/10/2004	Nam	1	19	
63	118711	TRƯƠNG QUỲNH ANH	09/06/2004	Nữ	1	19.25	
64	118712	VÕ NGUYỄN TRÂM ANH	03/01/2004	Nữ	1	21.5	
65	118713	VÕ TUẤN ANH	24/05/2004	Nam	1	22.5	
66	118718	TRẦN NGỌC ÁNH	08/07/2004	Nữ	2	22	
67	118723	TRỊNH THỊ BĂNG BĂNG	24/12/2004	Nữ	1	20.5	
68	118736	VÕ HOÀNG TÚ BẢO	29/06/2004	Nam	1	21.25	
69	118738	NGUYỄN NHƯ BÌNH	06/09/2004	Nữ	1	22	
70	118740	NGUYỄN CẨM TIÊN	09/03/2004	Nữ	1	17	
71	118744	TRẦN NGỌC MINH CHÂU	18/10/2004	Nữ	1	27	
72	118745	LÂM CHÍ HÀO	31/03/2003	Nam	2	19.25	
73	118749	NGUYỄN THỊ CHỨC	26/07/2004	Nữ	3	22.75	
74	118750	PHẠM HOÀNG CHƯỜNG	21/10/2003	Nam	1	23.25	
75	118751	NGÔ CHIẾN CÔNG	02/06/2003	Nam	1	17	
76	118754	ĐÀO DUY CƯỜNG	25/10/2004	Nam	1	18.75	
77	118757	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	13/11/2004	Nam	1	22.25	
78	118759	TRƯƠNG CẦN LINH ĐAN	18/09/2004	Nam	2	17.75	
79	118767	ĐỖ THÀNH DANH	09/04/2003	Nam	2	23.25	
80	118769	LÊ THỊ HỒNG ĐÀO	19/03/2004	Nữ	1	24.5	
81	118770	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐÀO	06/10/2004	Nữ	2	22.5	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
82	118780	TRẦN TẤN ĐẠT	02/09/2004	Nam	1	20.5	
83	118781	TRẦN TẤN ĐẠT	22/06/2004	Nam	1	22	
84	118782	VÕ QUỐC DINH	05/05/2004	Nam	1	19	
85	118789	LÊ HUỖNH ĐỨC	01/05/2004	Nam	1	20.25	
86	118790	NGUYỄN TRÍ ĐỨC	08/10/2004	Nam	1	24.25	
87	118791	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	05/04/2004	Nam	1	25.5	
88	118794	NGUYỄN THỊ TUYẾT DUNG	07/12/2004	Nữ	1	25	
89	118796	CAO HOÀNG DŨNG	08/09/2004	Nam	1	23.5	
90	118799	NGUYỄN THANH DŨNG	21/08/2004	Nam	1	23	
91	118801	ĐẶNG THÙY DƯƠNG	18/07/2004	Nữ	2	23.25	
92	118804	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	30/07/2004	Nữ	1	23.25	
93	118805	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	19/05/2004	Nữ	1	19.5	
94	118809	NGUYỄN THANH DUY	06/03/2004	Nam	1	25.25	
95	118811	PHẠM ĐỨC DUY	14/10/2004	Nam	1	21.25	
96	118812	PHẠM KHÁNH DUY	12/10/2004	Nam	1	23.25	
97	118813	TRẦN QUỐC DUY	24/02/2004	Nam	2	23	
98	118815	NGUYỄN HUỖNH MỸ DUYÊN	18/12/2004	Nữ	2	22.25	
99	118820	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG GIANG	08/04/2004	Nam	1	26.5	
100	118825	BÙI TRUNG HẢI	22/02/2004	Nam	1	20.5	
101	118826	ĐÀO THANH HẢI	08/01/2004	Nam	2	19	
102	118827	NGÔ TRUNG HẢI	21/06/2004	Nam	2	23	
103	118828	NGUYỄN THANH THIÊN HẢI	27/12/2004	Nam	2	18	
104	118829	NGUYỄN VIỆT HẢI	08/09/2004	Nam	1	19.75	
105	118833	LÊ THỊ BÍCH HÂN	13/05/2004	Nữ	1	19	
106	118835	NGUYỄN HUỖNH BẢO HÂN	27/06/2004	Nữ	2	24.5	
107	118837	VŨ NGUYỄN NGỌC HÂN	10/05/2004	Nữ	1	32.75	
108	118839	HUỖNH NGUYỄN THANH HẰNG	27/08/2004	Nữ	1	23.75	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
109	118840	LÂM THỊ MỸ HẰNG	25/03/2004	Nữ	1	22.75	
110	118842	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẰNG	04/12/2004	Nữ	2	18.25	
111	118843	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	04/01/2004	Nữ	2	23.5	
112	118848	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	20/09/2004	Nữ	1	19.25	
113	118853	NGUYỄN MINH HẬU	20/04/2004	Nam	3	21	
114	118854	NGUYỄN TRUNG HẬU	14/12/2004	Nam	1	17	
115	118855	VÕ CÔNG HẬU	29/11/2004	Nam	1	22.5	
116	118857	NGUYỄN PHÚC THẢO HIỀN	02/08/2004	Nữ	2	23.75	
117	118858	NGUYỄN THANH HIỀN	12/10/2004	Nam	1	18.75	
118	118861	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	31/10/2004	Nữ	2	23.75	
119	118862	TRƯƠNG TẤN HIỀN	22/08/2004	Nam	2	20	
120	118864	BÙI MINH HIẾU	06/10/2004	Nam	1	19.25	
121	118865	LÊ HOÀNG HIẾU	18/04/2004	Nam	1	20.75	
122	118868	TẠ THỊ HOA	19/06/2004	Nữ	1	21.5	
123	118870	PHẠM HUY THÁI HOÀ	03/02/2004	Nam	2	19.75	
124	118871	TRẦN THÁI HÒA	07/01/2004	Nam	1	19.25	
125	118874	NGÔ HUY HOÀNG	30/05/2004	Nam	1	20	
126	118875	NGUYỄN HUY HOÀNG	29/08/2004	Nam	1	18.5	
127	118885	NGUYỄN KIM HỒNG	16/07/2004	Nữ	1	24.5	
128	118889	NGUYỄN PHI HÙNG	09/05/2004	Nam	1	21.25	
129	118893	VÕ HOÀI HÙNG	10/04/2004	Nam	1	18.5	
130	118894	DƯƠNG THỊ THU HƯƠNG	27/01/2004	Nữ	1	22	
131	118896	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	14/10/2004	Nữ	1	20.5	
132	118897	PHẠM DƯƠNG THU HƯƠNG	07/05/2004	Nữ	1	18	
133	118899	QUÁCH DIỄM HƯƠNG	27/09/2004	Nữ	1	25.5	
134	118900	VŨ THỊ QUỲNH HƯƠNG	19/01/2004	Nữ	1	18.25	
135	118908	NGUYỄN ĐANG HUY	11/01/2004	Nam	1	19.25	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
136	118909	NGUYỄN ĐĂNG HUY	25/09/2004	Nam	1	19.25	
137	118911	NGUYỄN HOÀNG HUY	14/11/2004	Nam	2	21	
138	118912	NGUYỄN MINH HUY	11/06/2004	Nam	1	30.5	
139	118913	NGUYỄN NHẬT HUY	06/03/2004	Nam	2	19	
140	118916	TRẦN NHẬT HUY	09/10/2004	Nam	2	21.25	
141	118919	VŨ GIA HUY	16/11/2004	Nam	1	21.25	
142	118923	NGUYỄN HOÀNG MỸ HUYỀN	22/01/2004	Nữ	1	20	
143	118924	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	03/10/2004	Nữ	2	22.5	
144	118926	NGUYỄN TẤN HUỠNH	02/03/2003	Nam	1	17.25	
145	118929	NGUYỄN KHẮC DUY HẬU	27/12/2003	Nam	3	18	
146	118936	NGUYỄN TRỌNG KHANH	02/01/2004	Nam	2	24	
147	118938	NGUYỄN HỒ QUỐC KHÁNH	23/11/2004	Nam	1	19.75	
148	118939	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	01/01/2004	Nam	1	29	
149	118946	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	27/07/2004	Nam	1	22.25	
150	118948	NGUYỄN QUANG ĐĂNG KHOA	14/12/2004	Nam	1	25.5	
151	118954	NGUYỄN AN KHƯƠNG	04/01/2004	Nam	2	22.25	
152	118957	VÕ MINH KIÊN	08/12/2004	Nam	1	21.75	
153	118958	CAO TUẤN KIỆT	11/10/2004	Nam	1	21.25	
154	118963	PHAN ANH KIỆT	10/05/2004	Nam	1	17.25	
155	118964	TRẦN GIA KIỆT	22/09/2004	Nam	1	20.5	
156	118965	TRẦN QUỐC KIỆT	20/10/2004	Nam	1	20.25	
157	118971	LÊ MAI NGỌC LÂM	22/07/2004	Nam	1	25.5	
158	118972	LÊ NHỰT LÂM	11/06/2004	Nam	1	24	
159	118976	PHAN LÊ NGỌC HẢI	27/11/2004	Nam	2	18.75	
160	118979	NGUYỄN THỊ THU LIỄU	03/09/2003	Nữ	1	21.75	
161	118981	BÙI THỊ NGỌC LINH	18/02/2004	Nữ	1	22.75	
162	118984	HUỠNH CẨM LINH	07/09/2004	Nữ	1	20	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
163	118988	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG LINH	04/04/2004	Nam	1	16.75	
164	118992	NGUYỄN THỊ TÚ LINH	11/06/2004	Nữ	1	22.5	
165	118994	NGUYỄN NGỌC THANH LOAN	05/09/2004	Nữ	1	26.25	
166	118995	NGUYỄN THỊ TUYẾT LOAN	08/07/2004	Nữ	2	24.25	
167	118997	NGUYỄN TẤN LỘC	05/08/2004	Nam	1	18.75	
168	119002	NGUYỄN GIA LONG	21/03/2004	Nam	1	20	
169	119004	NGUYỄN TRƯỜNG BẢO LONG	19/10/2004	Nam	1	19.25	
170	119015	HUỶNH THỊ THU MAI	14/09/2004	Nữ	2	22	
171	119016	NGUYỄN QUÝ QUỲNH MAI	24/12/2004	Nữ	2	18.5	
172	119017	NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	12/08/2004	Nữ	1	23.75	
173	119024	ĐOÀN VĂN MINH	19/06/2004	Nam	1	17	
174	119027	LÊ HOÀNG MINH	20/09/2004	Nam	1	26	
175	119029	NGUYỄN HỒNG MINH	29/03/2004	Nam	1	17.25	
176	119030	NGUYỄN NGỌC KHÁNH MINH	04/01/2004	Nữ	2	23.5	
177	119031	NGUYỄN THÁI MINH	29/06/2004	Nam	1	21.75	
178	119036	TRẦN BẢO MINH	21/04/2004	Nam	1	19.5	
179	119037	VŨ HOÀNG MINH	01/04/2002	Nam	1	19.25	
180	119042	PHẠM MINH NHỰT	26/04/2004	Nam	2	17.5	
181	119043	NGUYỄN MINH QUÂN	20/09/2004	Nam	1	22.25	
182	119047	NGUYỄN MINH THY	15/05/2004	Nữ	2	19	
183	119050	HOÀNG DIỄM THẢO MY	24/09/2003	Nữ	1	19.25	
184	119053	NGUYỄN HÀ MY	07/09/2004	Nữ	1	28.25	
185	119055	PHẠM THỊ NGỌC MY	11/03/2004	Nữ	1	22.25	
186	119060	LÊ PHƯƠNG NAM	29/01/2004	Nam	1	29.5	
187	119061	LƯU HOÀNG NAM	30/10/2004	Nam	2	18.25	
188	119063	NGUYỄN THÀNH NAM	11/05/2004	Nam	1	19.25	
189	119064	NGUYỄN TRUNG HIẾU NAM	22/04/2004	Nam	2	23.5	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
190	119067	VÕ HOÀNG NAM	26/03/2004	Nam	3	22.75	
191	119069	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGA	27/10/2004	Nữ	2	20	
192	119073	ĐOÀN BẢO NGÂN	06/12/2004	Nữ	1	26.5	
193	119074	HỒ HOÀNG NGỌC NGÂN	18/01/2004	Nữ	1	19.25	
194	119077	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	26/08/2004	Nữ	2	21.75	
195	119080	PHẠM LÊ KIM NGÂN	11/05/2004	Nữ	3	20.25	
196	119081	PHẠM NGUYỄN KIM NGÂN	06/11/2004	Nữ	1	20.5	
197	119083	VÕ THỊ KIM NGÂN	04/08/2004	Nữ	1	25.75	
198	119085	DƯƠNG NGUYỄN TUYẾT NGHI	18/11/2004	Nữ	2	21.5	
199	119088	TRẦN GIA NGHI	06/09/2004	Nữ	2	22.5	
200	119089	TRẦN NGUYỄN BẢO NGHI	13/09/2004	Nữ	3	22.25	
201	119090	NGUYỄN HỮU NGHĨA	26/02/2004	Nam	1	22	
202	119095	HUỲNH BẢO NGỌC	03/06/2004	Nữ	2	22.25	
203	119098	NGUYỄN LÊ BÍCH NGỌC	10/10/2004	Nữ	2	24.25	
204	119101	PHAN NGUYỄN THÚY NGỌC	14/11/2004	Nữ	1	22.25	
205	119103	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	21/09/2004	Nữ	3	23.25	
206	119114	LÊ NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	31/07/2004	Nam	1	19.5	
207	119118	NGUYỄN PHÚC KHÔI NGUYỄN	17/11/2004	Nam	1	20.75	
208	119122	DƯƠNG NGUYỄN MINH PHƯỚC	14/07/2004	Nam	3	18	
209	119129	PHẠM THỊ THANH NHÀN	10/02/2004	Nữ	1	25.5	
210	119130	ĐỖ LÊ TIỀN NHÂN	06/09/2004	Nam	2	24.25	
211	119132	NGUYỄN THÀNH NHÂN	12/10/2004	Nam	1	21.25	
212	119133	NGUYỄN THÀNH NHÂN	20/10/2004	Nam	1	19	
213	119134	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	29/01/2004	Nam	2	19.25	
214	119138	NGUYỄN NHẬT HÀO	27/03/2004	Nam	1	19	
215	119139	BÙI PHAN YẾN NHI	17/08/2004	Nữ	2	23.5	
216	119142	HỒ THÀNH NHI	29/05/2004	Nữ	1	19	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
217	119143	LÂM QUỲNH NHI	13/12/2004	Nữ	2	20	
218	119148	NGUYỄN LÊ UYÊN NHI	18/05/2004	Nữ	2	22.75	
219	119149	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	03/12/2004	Nữ	1	21	
220	119152	NGUYỄN TUYẾT NHI	14/10/2004	Nữ	1	22.25	
221	119153	NGUYỄN UYÊN NHI	17/06/2004	Nữ	2	23.25	
222	119155	PHAN Ý NHI	07/06/2004	Nữ	2	23	
223	119156	TRẦN THỊ YẾN NHI	29/07/2002	Nữ	1	21.75	
224	119157	VÕ PHẠM ÁI NHI	11/09/2004	Nữ	1	20	
225	119159	NGUYỄN THÀNH NHƠN	10/01/2004	Nam	2	21.5	
226	119160	BÙI THỊ THANH NHƯ	02/10/2004	Nữ	2	20.75	
227	119161	CAO TÂM NHƯ	17/09/2004	Nữ	1	24.5	
228	119164	LÂM TÂM NHƯ	13/06/2004	Nữ	2	20.5	
229	119172	VÕ NHƯ BÌNH	23/02/2004	Nữ	2	19.25	
230	119174	GIANG THỊ CẨM NHUNG	29/12/2004	Nữ	1	18	
231	119178	ĐỖ THỊ HOÀI NY	23/12/2003	Nữ	1	19.25	
232	119179	HÀ NGỌC HOÀNG OANH	16/03/2004	Nữ	2	24.25	
233	119180	NGUYỄN HUỲNH KIỀU OANH	07/12/2004	Nữ	1	19.25	
234	119181	NGUYỄN KIỀU OANH	05/12/2002	Nữ	1	20.75	
235	119182	TRẦN MAI NHẬT PHẠM	02/09/2004	Nam	1	17.25	
236	119183	ĐẶNG MINH PHÁT	05/06/2004	Nam	1	20.75	
237	119184	ĐỖ TIẾN PHÁT	21/08/2003	Nam	1	18.5	
238	119185	PHẠM TẤN PHÁT	19/08/2004	Nam	1	22.25	
239	119188	ĐẶNG THANH PHONG	11/05/2004	Nam	1	22.5	
240	119190	HUỲNH TIẾN PHONG	23/12/2004	Nam	2	24.5	
241	119192	NGUYỄN HOÀNG NGỌC PHONG	17/08/2004	Nam	1	17.75	
242	119194	ĐỖ HOÀNG PHÚC	08/07/2004	Nam	2	20.5	
243	119195	HUỲNH THANH PHÚC	19/01/2004	Nam	2	23.5	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
244	119203	NGUYỄN PHẠM THIÊN PHƯỚC	21/07/2004	Nam	1	18.25	
245	119206	NGUYỄN ĐÔNG PHƯƠNG	18/04/2004	Nam	1	20	
246	119212	NGUYỄN TRÚC KIỀU PHƯƠNG	08/07/2004	Nữ	1	20	
247	119214	TRẦN NGUYỄN NHỨT PHƯƠNG	24/05/2004	Nam	2	18.75	
248	119215	PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG	20/11/2004	Nữ	1	18.25	
249	119220	NGUYỄN QUANG QUÂN	02/01/2004	Nam	1	26	
250	119223	NGÔ PHÚ QUANG	09/05/2004	Nam	2	23.25	
251	119227	NGUYỄN ANH QUỐC	21/04/2003	Nam	1	19.5	
252	119233	TỪ NGUYỄN ANH THÚY QUY	22/04/2003	Nữ	1	25	
253	119235	NGUYỄN MINH QUÝ	12/02/2004	Nam	2	22.25	
254	119237	NGÔ THỊ KIM QUYÊN	29/01/2004	Nữ	1	23.5	
255	119239	ĐINH THỊ DIỄM QUỲNH	27/07/2004	Nữ	1	25	
256	119242	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	10/05/2004	Nữ	1	24.5	
257	119244	ĐÀO TẤN SANG	04/12/2004	Nam	2	23	
258	119245	NGUYỄN VĂN SANG	01/01/2004	Nam	2	23	
259	119247	ĐINH TRƯỜNG SƠN	15/07/2004	Nam	2	24.25	
260	119248	LÊ HOÀNG SƠN	31/05/2004	Nam	1	24.5	
261	119251	TRẦN NGUYỄN THẾ SỰ	15/08/2004	Nam	1	26.5	
262	119253	LƯ NGUYỄN ANH TÀI	15/07/2004	Nam	1	23.75	
263	119256	NGUYỄN THÀNH TÀI	28/01/2004	Nam	1	26.25	
264	119257	TRẦN NGUYỄN TẤN TÀI	16/05/2004	Nam	1	27	
265	119264	HỒ TẤN PHÁT	06/02/2004	Nam	2	17	
266	119267	LÊ NGỌC THẠCH	05/10/2004	Nam	2	26.25	
267	119269	PHAN QUANG THÁI	28/08/2004	Nam	2	22.5	
268	119270	TRẦN QUỐC THÁI	05/10/2004	Nam	1	27.25	
269	119272	LÊ HOÀNG THẨM	28/07/2004	Nữ	1	24.25	
270	119273	LÊ THỊ THẨM	07/03/2003	Nữ	1	18.5	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
271	119274	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	02/11/2004	Nữ	1	17.5	
272	119275	TRỊNH MINH THÂN	25/06/2004	Nam	2	21.5	
273	119276	HUỖNH VĂN THẮNG	30/07/2004	Nam	1	17.5	
274	119279	PHẠM NGUYỄN THÀNH THẮNG	05/11/2004	Nam	1	20.25	
275	119280	PHẠM QUANG THẮNG	01/06/2004	Nam	2	22.5	
276	119282	BÙI NGỌC KIM THANH	08/10/2004	Nữ	1	19.75	
277	119285	LÊ HUỖNH KIM THANH	28/02/2004	Nữ	1	18.25	
278	119287	NGUYỄN THỊ NGỌC THANH	05/10/2004	Nữ	1	24.5	
279	119288	PHAN THỊ KIM THANH	27/01/2004	Nữ	2	24.25	
280	119293	NGUYỄN TẤN THÀNH	30/07/2004	Nam	1	18.75	
281	119294	PHẠM TRƯỜNG THÀNH	03/03/2004	Nam	1	24	
282	119295	NGUYỄN THANH ĐẠT	04/02/2004	Nam	1	22.5	
283	119302	KIỀU PHƯƠNG THẢO	25/06/2004	Nữ	1	26.5	
284	119306	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	27/12/2003	Nữ	1	18.25	
285	119308	NGUYỄN DIỆU THI	22/03/2004	Nữ	2	24	
286	119313	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	23/01/2004	Nữ	1	20.25	
287	119316	TRƯỜNG THỊ KIM CHI	02/03/2004	Nữ	1	19.75	
288	119322	PHẠM THỊ NGỌC NHUNG	12/11/2004	Nữ	1	22.75	
289	119326	BÙI THỊ TÂM	16/11/2003	Nữ	2	18.5	
290	119327	ĐẶNG THỊ THANH	14/10/2004	Nữ	1	24	
291	119328	VÕ THỊ THANH TRANG	24/10/2004	Nữ	2	18.5	
292	119358	LÊ TRẦN TUYẾT THU	15/05/2004	Nữ	1	21.5	
293	119359	CAO NGỌC ANH THƯ	21/02/2004	Nữ	1	28.75	
294	119361	ĐẶNG THỊ ANH THƯ	22/04/2004	Nữ	1	17.75	
295	119362	ĐINH THỊ ANH THƯ	31/01/2004	Nữ	2	24.25	
296	119363	GIANG VÕ QUỲNH ANH THƯ	09/08/2004	Nữ	2	19.25	
297	119364	HUỖNH MINH THƯ	13/04/2004	Nữ	1	19.75	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
298	119366	LƯƠNG THỊ THANH THƯ	05/08/2004	Nữ	1	21	
299	119367	NGUYỄN LẠC MINH THƯ	04/10/2004	Nữ	1	30.75	
300	119378	PHẠM ANH THƯ	17/01/2004	Nữ	1	25	
301	119379	TRẦN PHẠM ANH THƯ	03/09/2004	Nữ	1	21.75	
302	119380	TRẦN THỊ MINH THƯ	11/07/2004	Nữ	2	23.25	
303	119384	LÊ DUY THUẬN	04/09/2004	Nam	1	22	
304	119386	NGÔ ĐÌNH THUẬN	01/07/2004	Nam	2	23	
305	119387	BÙI VĂN THƯƠNG	23/03/2004	Nam	2	19.75	
306	119388	DƯƠNG HOÀI THƯƠNG	08/06/2004	Nữ	1	18.5	
307	119390	TRẦN THANH THƯƠNG	02/09/2004	Nữ	1	24.25	
308	119393	HÀ THỊ THÙY	20/02/2004	Nữ	1	22.75	
309	119395	PHẠM THÙY LINH	21/07/2004	Nữ	1	18.25	
310	119398	PHẠM ĐỖ ANH THY	01/09/2004	Nữ	2	24	
311	119399	BÙI THỦY TIÊN	21/04/2004	Nữ	1	29	
312	119400	DƯƠNG CÁT TIÊN	07/04/2004	Nữ	2	23	
313	119403	NGUYỄN LÊ NHẬT TIÊN	09/09/2003	Nam	1	21	
314	119404	TRẦN MAI YÊN TIÊN	28/06/2004	Nữ	1	28.5	
315	119405	NGUYỄN MINH TIẾN	24/05/2004	Nam	2	22.25	
316	119408	TRẦN VĂN TIẾN	07/04/2004	Nam	2	24.25	
317	119409	VÕ ĐẶNG HOÀI TIẾN	19/05/2004	Nam	2	18.25	
318	119411	LÂM KIM TÍN	17/05/2004	Nam	2	18.25	
319	119412	TRẦN THANH TÌNH	16/05/2004	Nam	1	20	
320	119415	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	24/03/2004	Nữ	1	31	
321	119416	NGUYỄN HOÀNG BẢO TRÂM	27/02/2004	Nữ	1	20	
322	119417	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	28/02/2004	Nữ	1	29.5	
323	119419	NGUYỄN QUỲNH TRÂN	20/11/2004	Nữ	2	22.25	
324	119421	TRẦN THỊ QUẾ TRÂN	12/04/2004	Nữ	1	22.75	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
325	119423	NGUYỄN TRẦN HIẾU HẠNH	21/02/2004	Nữ	1	20.25	
326	119428	HUỶNH LỮ BÌNH TRANG	23/11/2004	Nữ	1	24.75	
327	119431	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	01/12/2004	Nữ	1	26	
328	119432	NGUYỄN THỊ THU TRANG	29/06/2004	Nữ	1	25.75	
329	119434	PHẠM NGỌC THÙY TRANG	05/12/2004	Nữ	1	18.5	
330	119436	CAO VĂN TRÍ	19/07/2004	Nam	1	22.5	
331	119438	HỒ ĐỨC TRÍ	01/03/2004	Nam	1	18.25	
332	119442	TRẦN THỊ TUYẾT TRINH	28/07/2004	Nữ	1	23.75	
333	119444	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	23/12/2004	Nam	1	21.5	
334	119453	PHẠM NGUYỄN THANH TRÚC	22/09/2004	Nữ	1	18.25	
335	119455	ĐẶNG TRÚC NGHI	08/01/2004	Nữ	2	19	
336	119458	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	20/12/2004	Nam	1	18.75	
337	119459	PHẠM TRUNG TRƯỜNG	14/05/2004	Nam	1	17.5	
338	119460	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	11/07/2004	Nam	1	26.75	
339	119463	MAI CẨM TÚ	28/11/2004	Nữ	1	26.5	
340	119464	NGUYỄN BẢO TÚ TÚ	04/01/2004	Nam	2	24.25	
341	119467	PHAN QUỐC TÚ	19/11/2004	Nam	1	25.25	
342	119469	VÕ THÀNH TUÂN	03/07/2004	Nam	1	23.5	
343	119471	HUỶNH MẠNH TUẤN	18/03/2004	Nam	1	22.5	
344	119476	NGUYỄN TRẦN ANH TUẤN	13/04/2004	Nam	2	23	
345	119477	PHẠM ANH TUẤN	17/05/2004	Nam	1	18.25	
346	119480	BẠCH QUANG TÙNG	03/03/2004	Nam	1	19.25	
347	119481	MAI NGUYỄN THANH TÙNG	23/11/2003	Nam	1	22.5	
348	119485	LÝ MINH TUYỀN	16/02/2004	Nữ	1	25.75	
349	119488	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	30/10/2004	Nữ	1	28	
350	119489	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	15/06/2004	Nữ	1	19.75	
351	119491	ĐÀO NGUYỄN PHƯỢNG UYÊN	02/09/2004	Nữ	2	24.5	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
352	119492	ĐỖ HOÀNG DUY UYÊN	20/07/2004	Nữ	2	21.75	
353	119500	LƯƠNG THỊ THANH VÂN	27/12/2004	Nữ	2	24	
354	119503	PHẠM THỊ HỒNG VÂN	07/01/2004	Nữ	2	22	
355	119507	NGUYỄN VĂN HẢI ĐĂNG	04/04/2004	Nam	1	23.75	
356	119510	NGUYỄN VĂN TÀI	19/06/2003	Nam	1	17	
357	119518	PHẠM NGỌC THANH VI	13/08/2004	Nữ	1	21.25	
358	119521	ĐẶNG HOÀNG VIỆT	08/01/2004	Nam	2	22.5	
359	119529	ĐÀO HUY VŨ	27/05/2004	Nam	2	21.5	
360	119530	LÃ NGUYỄN TUẤN VŨ	16/04/2004	Nam	1	22	
361	119531	NGÔ THÁI VŨ	30/10/2004	Nam	1	17.25	
362	119532	NGUYỄN ANH VŨ	06/06/2004	Nam	2	21.25	
363	119535	TRƯƠNG ĐÌNH HOÀNG VŨ	09/10/2004	Nam	1	20.25	
364	119538	VŨ ANH VŨ	20/03/2004	Nam	1	18.75	
365	119543	LÊ NGUYỄN TƯỜNG VY	26/02/2004	Nữ	1	27.5	
366	119544	LƯƠNG THỊ HÀ VY	15/01/2004	Nữ	1	23	
367	119545	MAI PHƯƠNG VY	25/02/2004	Nữ	2	24.5	
368	119551	NGUYỄN TRƯƠNG THẢO VY	26/12/2004	Nữ	3	19.25	
369	119553	PHAN NGUYỄN HUYỀN VY	01/10/2004	Nữ	2	19.5	
370	119554	TRẦN NGỌC TRÀ VY	29/10/2004	Nữ	1	23	
371	119555	TRẦN NGỌC TƯỜNG VY	12/04/2004	Nữ	2	17.25	
372	119556	TRẦN PHẠM THÚY VY	10/05/2004	Nữ	2	23	
373	119557	TRẦN THỊ THANH VY	19/09/2004	Nữ	1	24.25	
374	119558	TRẦN THÚY VY	11/02/2004	Nữ	1	18.75	
375	119560	TRIỆU VỸ	25/02/2004	Nam	1	24.5	
376	119561	VŨ HOÀNG TRIỆU VỸ	29/07/2004	Nam	1	23.75	
377	119562	TRẦN THỊ NHƯ Ý	02/02/2004	Nữ	1	24	
378	119563	VŨ NGỌC NHƯ Ý	19/09/2004	Nữ	1	21.75	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
379	119588	LÊ THỊ VÂN ANH	14/08/2004	Nữ	2	17.5	
380	119654	TRỊNH VĂN DŨNG	22/08/2004	Nam	2	19.25	
381	119668	NGUYỄN CAO THÀNH ĐẠI	01/07/2004	Nam	1	22.75	
382	119681	HÀ HƯƠNG GIANG	23/10/2004	Nữ	1	23	
383	119700	NGUYỄN THU HẰNG	31/07/2004	Nữ	1	21.25	
384	119711	HUỶNH NGỌC HIỀN	23/05/2004	Nữ	2	18.75	
385	119721	LÊ HUỶNH TRUNG HIẾU	01/08/2004	Nam	1	18.5	
386	119734	CAO GIA HOÀNG	06/08/2004	Nam	2	19.25	
387	119742	PHẠM ĐỨC HUÂN	27/11/2004	Nam	1	22	
388	119773	NGUYỄN TRUNG KIÊN	01/07/2004	Nam	2	18.75	
389	119792	TẠ DUY KHANG	24/02/2004	Nam	2	19	
390	119800	NGUYỄN QUỲNH KIM KHÁNH	19/07/2004	Nữ	1	20.75	
391	119821	NGUYỄN VIỆT ĐẠI LÂM	26/08/2004	Nam	2	18	
392	119840	VŨ VIỆT LONG	31/05/2004	Nam	1	17.25	
393	119861	NGUYỄN THỊ YẾN MAI	29/05/2004	Nữ	1	17.25	
394	119886	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	13/06/2004	Nữ	1	18.25	
395	119898	DƯƠNG XUÂN NGỌC	07/09/2004	Nam	2	19.25	
396	119940	HUỶNH THỊ HUỶNH NHƯ	10/06/2003	Nữ	2	18	
397	119950	HUỶNH THỊ KIM OANH	12/06/2004	Nữ	2	18.5	
398	119961	NGUYỄN THÀNH PHÁT	22/06/2004	Nam	2	18.75	
399	119966	NGUYỄN GIANG TRIỆU PHONG	28/03/2004	Nam	2	18.5	
400	119978	NGUYỄN HỒNG GIA PHÚC	26/09/2004	Nam	2	18	
401	120017	BẠCH VĂN TÀI	06/11/2004	Nam	2	17.75	
402	120035	TRƯƠNG THANH TÂM	08/09/2004	Nam	1	18	
403	120043	PHAN THỊ KIM TIÊN	14/09/2004	Nữ	2	18	
404	120052	PHAN THANH TIẾN	18/05/2004	Nam	2	19	
405	120069	MAI THỊ CẨM TÚ	07/04/2004	Nữ	1	20	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
406	120070	NGUYỄN ĐỨC TÚ	02/08/2004	Nam	2	17	
407	120099	NGUYỄN KIM THANH	08/12/2003	Nữ	1	18.25	
408	120100	NGUYỄN THỊ ĐAN THANH	18/08/2002	Nữ	2	18.5	
409	120154	VÕ NGUYỄN MINH THƯ	26/04/2004	Nữ	2	18	
410	120176	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	13/01/2004	Nữ	3	23.5	
411	120235	VÕ ANH VŨ	01/01/2004	Nam	1	17.25	
412	120257	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	12/02/2004	Nữ	2	19.25	
413	120362	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	23/06/2004	Nữ	2	21.5	
414	120393	CAO NGỌC GIA HÂN	01/12/2004	Nữ	2	24.5	
415	120582	TRẦN LÊ BẢO NGÂN	07/04/2004	Nữ	1	22.25	
416	120646	TỪ BẢO NHI	20/08/2004	Nữ	1	17.5	
417	120687	PHẠM TẤN THIÊN PHÚC	24/09/2004	Nam	3	19.25	
418	120745	VŨ CAO SANG	25/08/2004	Nam	3	20.75	
419	120747	NGUYỄN NGỌC SƠN	25/07/2004	Nam	3	19.25	
420	120862	NGUYỄN THỊ THU THỦY	03/09/2004	Nữ	1	24.75	
421	120913	TRƯƠNG ĐỨC TRUNG	01/12/2004	Nam	1	26	
422	120939	NGUYỄN HIẾU TƯỜNG VÂN	06/10/2004	Nữ	3	22.75	
423	120958	TRẦN NGUYỄN THÚY VY	22/09/2004	Nữ	1	22.5	
424	121029	TRẦN VĂN THẾ ANH	19/04/2004	Nam	3	20.25	
425	121039	LÊ QUANG BẢO	24/05/2003	Nam	3	18.25	
426	121080	PHAN HUỶNH TIẾN ĐẠT	21/10/2004	Nam	3	18.75	
427	121131	NGUYỄN HÀ NGỌC HÂN	26/09/2004	Nữ	2	19.25	
428	121162	PHAN TRỌNG HOÀI	17/10/2004	Nam	2	17.25	
429	121181	TRẦN VĂN HÙNG	17/09/2003	Nam	3	22	
430	121247	KHÔNG THỊ LỆ	12/09/2004	Nữ	3	21.25	
431	121272	NGUYỄN THỊ HOÀNG LỘC	11/05/2004	Nữ	2	17.25	
432	121280	NGUYỄN VŨ LUÂN	29/05/2004	Nam	2	17.25	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
433	121293	TÔ THỊ NGỌC MINH	23/03/2004	Nữ	3	19.75	
434	121318	NGUYỄN THANH THANH NGÂN	29/09/2004	Nữ	3	21	
435	121337	LÊ BẢO NGỌC	06/03/2004	Nữ	3	20.25	
436	121346	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	14/10/2004	Nữ	3	18.75	
437	121425	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	26/12/2004	Nam	1	16.75	
438	121464	TĂNG GIA QUÂN	04/10/2004	Nam	2	18	
439	121485	PHẠM TUẤN SANG	29/05/2004	Nam	3	18	
440	121534	NGUYỄN THỊ HỒNG THỊNH	07/09/2004	Nữ	2	22.5	
441	121573	NGUYỄN HOÀNG THỦY TIÊN	19/11/2004	Nữ	2	19.25	
442	121575	PHẠM THỊ THỦY TIÊN	16/10/2004	Nữ	3	19	
443	121580	TRƯƠNG THỊ MỸ TIẾN	21/02/2004	Nữ	3	21.25	
444	121656	NGUYỄN QUANG VINH	02/03/2004	Nam	2	18	
445	121676	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	25/11/2004	Nữ	3	22.5	
446	124385	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	23/07/2004	Nữ	3	19.5	
447	125188	THỐI NHƯ QUỲNH	20/10/2004	Nữ	2	19.5	
448	129797	LÊ ĐỨC ANH	21/05/2004	Nam	3	20.75	
449	129875	VÕ VĂN THIÊN MINH CHÂU	31/07/2004	Nam	2	19.75	
450	130417	PHAN VĂN THIÊN PHÚ	26/04/2003	Nam	2	18.5	
451	130573	NGUYỄN GIA THỊNH	18/04/2004	Nam	3	19.75	
452	131626	LÊ MINH PHƯƠNG	29/03/2004	Nam	3	19.25	
453	131717	NGUYỄN THANH TÂM	04/10/2004	Nữ	3	18.75	
454	131981	TRẦN MỸ BÍCH TUYỀN	03/06/2004	Nữ	3	20.25	
455	132069	NGUYỄN HOÀNG MAI AN	15/05/2004	Nữ	3	20	
456	132247	LÊ THỊ KIM DUNG	01/08/2004	Nữ	2	19.5	
457	132309	ĐOÀN HỒ BẢO HÂN	25/10/2004	Nữ	3	20.25	
458	132389	LÊ ĐOÀN KIM HƯƠNG	27/11/2004	Nữ	2	19.25	
459	132409	NGUYỄN TRẦN GIA HUY	05/12/2004	Nam	3	22	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
460	132555	PHẠM HOÀNG BẢO LONG	04/07/2004	Nam	2	18.25	
461	132726	VÕ NGỌC NHI	09/06/2004	Nữ	3	20	
462	132780	HỒ HOÀNG PHÚC	29/09/2004	Nam	3	19.5	
463	132848	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	19/04/2004	Nam	3	19.75	
464	132873	NGUYỄN KHÁNH BẢO QUỲNH	01/08/2004	Nữ	3	18.25	
465	133015	VÕ MINH THƯ	08/12/2004	Nữ	3	19.5	
466	133070	MÃ BIỆN HỮU TOÀN	24/08/2004	Nam	2	19.5	
467	133093	ĐỖ THỊ HOÀNG TRANG	07/10/2003	Nữ	3	21	
468	133150	MAI ĐỖ THANH TÚ	10/09/2004	Nam	3	20.75	
469	133237	LÂM THÚY VY	20/02/2004	Nữ	3	20.75	
470	134339	TRẦN MÃN NHI	16/06/2004	Nữ	3	23.5	
471	137356	NGUYỄN VIỆT KHẢI HÙNG	02/11/2004	Nam	3	24.5	
472	138286	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG TRANG	15/12/2004	Nữ	3	20	
473	138908	DIÊU ĐẶNG THANH THANH	03/07/2004	Nữ	2	21	
474	138995	PHÙNG MINH TUẤN	29/03/2004	Nam	3	19.25	
475	139644	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	23/04/2004	Nữ	2	19.75	
476	140299	NGUYỄN THANH NAM	01/07/2004	Nam	3	20	
477	140424	HUỶNH LÊ HỒNG PHÚC	26/11/2004	Nam	1	27.75	
478	140691	THÁI THỊ THÁI UYÊN	07/04/2004	Nữ	3	20.5	
479	141223	TRẦN ĐỨC KHOA	19/02/2004	Nam	3	21.75	
480	144312	TRẦN HUỶNH HỒNG HƯƠNG	20/03/2004	Nữ	3	23	
481	144442	HOÀNG NAM	29/04/2004	Nam	3	19.25	
482	144499	CAO TÚ NHI	18/05/2004	Nữ	3	18.5	
483	144527	NGUYỄN THÀNH PHÁT	06/03/2003	Nam	1	20.25	
484	144539	NGUYỄN TRẦN HOÀNG PHÚC	27/04/2004	Nam	1	22.5	
485	144546	VÕ LÊ HỒNG PHÚC	14/09/2004	Nữ	3	18.25	
486	144583	QUẢNG MINH SANG	01/10/2004	Nam	3	18	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
487	144746	NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	04/12/2004	Nam	3	19.75	
488	144750	NGUYỄN PHÚC TƯỜNG VY	02/11/2004	Nữ	1	17.25	
489	144801	TRƯƠNG QUYỀN ANH	10/04/2004	Nam	3	20	
490	144825	PHẠM THÁI BÌNH	05/10/2004	Nữ	2	19	
491	144830	NGUYỄN DUY CẢNH	09/12/2004	Nam	3	19.5	
492	144832	HỒ THỊ MINH CHÂU	09/01/2004	Nữ	3	19	
493	144856	VƯƠNG TẤN ĐẠT	18/09/2004	Nam	2	17.75	
494	144870	LÊ THÀNH ĐƯỢC	21/09/2003	Nam	3	19.25	
495	144940	NGÔ THANH HÙNG	27/12/2004	Nam	3	19.25	
496	144941	NGUYỄN GIA HÙNG	23/12/2004	Nam	3	18.25	
497	144976	PHẠM KHÁNH HUYỀN	03/06/2004	Nữ	3	19.25	
498	145006	LÊ TUẤN KIỆT	20/01/2004	Nam	3	22.25	
499	145046	ĐOÀN MINH LUÂN	14/02/2004	Nam	2	17.5	
500	145062	HUỲNH LÊ NHẬT MINH	29/10/2004	Nữ	3	20	
501	145069	PHAN VĂN MINH	27/01/2004	Nam	3	18.25	
502	145106	VÕ THỊ NGỌC NGÂN	17/02/2004	Nữ	3	19.5	
503	145118	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	27/02/2004	Nam	3	23.75	
504	145202	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	04/04/2004	Nam	3	19.5	
505	145225	NGUYỄN NGỌC XUÂN QUỲNH	27/01/2004	Nữ	3	19.5	
506	145235	NGUYỄN TẤN TÀI	12/11/2004	Nam	2	17.5	
507	145246	PHẠM THỊ THANH TÂM	20/10/2004	Nữ	2	20.25	
508	145286	ĐINH NGUYỄN KIM THƯ	04/09/2004	Nữ	3	19.5	
509	145301	TRẦN ANH THƯ	27/06/2004	Nữ	2	17.5	
510	145337	TRỊNH HOÀI TRẦN	21/10/2004	Nữ	2	19	
511	145343	NGUYỄN THÙY TRANG	06/10/2004	Nữ	2	18.25	
512	145353	VƯƠNG VĨ TRÍ	16/04/2004	Nam	3	19	
513	145374	TRƯƠNG QUANG TUỆ	02/11/2004	Nam	3	18	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
514	145907	NGUYỄN NGỌC NHÃ QUYÊN	30/06/2004	Nữ	3	18.5	
515	146097	LƯƠNG THANH TUẤN	04/10/2004	Nam	2	18.25	
516	146196	NGUYỄN HOÀNG ANH	27/07/2004	Nam	2	20.25	
517	146260	LÊ VĂN DUẤN	04/05/2004	Nam	3	18	
518	146289	TRẦN THANH HẢI	06/10/2004	Nam	3	19.5	
519	146317	TRẦN ĐỨC HÙNG	09/09/2004	Nam	2	18.5	
520	146355	PHẠM THÁI KHÔI	08/04/2004	Nam	2	19	
521	146373	LÊ PHƯƠNG LINH	25/12/2004	Nữ	2	22.75	
522	146406	NGUYỄN QUỲNH THẢO MY	19/07/2004	Nữ	3	18.5	
523	146425	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	26/11/2004	Nữ	3	18.5	
524	146453	PHẠM MINH NHẬT	22/08/2004	Nam	2	17.5	
525	146482	VƯƠNG QUỐC NINH	19/01/2004	Nam	2	19	
526	146511	VÕ MINH QUÂN	22/10/2004	Nam	3	18.25	
527	146513	PHẠM NHẬT QUANG	06/09/2004	Nam	2	17.25	
528	146562	TRẦN NGUYỄN MAI THẢO	11/11/2004	Nữ	3	18.5	
529	146613	LÊ PHƯỚC TOÀN	06/04/2004	Nam	3	18.25	
530	146628	NGÔ THỊ THU TRANG	05/10/2004	Nữ	3	18.25	
531	146644	TRẦN ĐÌNH TRỌNG	04/03/2004	Nam	3	18	
532	146653	LÊ NGUYỄN THANH TÚ	30/10/2004	Nữ	3	18.25	
533	146689	PHẠM TƯỜNG VY	01/07/2004	Nữ	3	18.5	
534	146722	HUỲNH DƯƠNG MỸ ANH	27/09/2004	Nữ	3	22.5	
535	146768	HỨA TRÍ CƯỜNG	10/09/2004	Nam	1	17.75	
536	146813	TRẦN KHÁNH DUY	28/04/2004	Nam	3	19.75	
537	146861	TRẦN PHẠM ÁNH HOA	05/11/2004	Nữ	3	19.25	
538	146867	TRẦN PHẠM ÁNH HỒNG	05/11/2004	Nữ	3	20	
539	146880	NGUYỄN HOÀNG BẢO HUY	16/02/2004	Nam	3	19.75	
540	146921	HẮC QUỲNH CHÚC LINH	20/11/2004	Nữ	2	18.25	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
541	146943	LÊ THANH LUẬN	23/08/2004	Nam	2	18.75	
542	146975	VŨ BẮC TRUNG NAM	03/05/2004	Nam	2	18.25	
543	147015	KHÔNG THỊ YẾN NHI	16/11/2004	Nữ	3	20	
544	147059	TRẦN LÊ UYÊN PHƯƠNG	28/07/2004	Nữ	3	19	
545	147081	LÊ NGUYỄN THÀNH TÀI	16/10/2004	Nam	3	21.75	
546	147089	TRẦN QUỐC THÁI	25/02/2004	Nam	1	18.75	
547	147094	HUỶNH NGỌC THANH	27/03/2004	Nữ	2	18.75	
548	147120	ĐÀO NGỌC THÔNG	07/03/2004	Nam	3	20	
549	147126	HOÀNG ANH THU'	17/12/2004	Nữ	3	18	
550	147130	NGUYỄN HOÀNG ANH THU'	03/06/2004	Nữ	3	20	
551	147132	NGUYỄN NGỌC QUÊ THU'	22/08/2003	Nữ	2	17	
552	147147	NGUYỄN HIẾU THUẬN	18/01/2004	Nam	3	23.5	
553	147148	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG	23/10/2004	Nữ	2	19.5	
554	147163	ĐẶNG NGỌC MINH TRÂM	26/04/2004	Nữ	3	19.5	
555	147182	NGUYỄN THANH TRÍ	11/06/2004	Nam	3	19.5	
556	147193	NGUYỄN LÊ KIM TRÚC	29/11/2004	Nữ	3	18.25	
557	147216	ĐOÀN THỤY MINH UYÊN	01/12/2004	Nữ	3	18.25	
558	147227	HOÀNG ĐẠI VĨ	14/09/2004	Nam	3	19.25	
559	147243	NGUYỄN TRANG THẢO VY	04/02/2004	Nữ	3	19	
560	147281	HOÀNG GIA BẢO	25/01/2004	Nam	2	18.5	
561	147375	NGÔ GIA HÂN	05/05/2004	Nữ	1	20	
562	147558	NGUYỄN HỒNG NGÂN	24/12/2004	Nữ	2	19.5	
563	147609	NGUYỄN THỊ HỒNG NHI	03/09/2004	Nữ	3	19.5	
564	147708	ĐẶNG ĐÌNH TÂN	18/05/2004	Nam	3	18.5	
565	147765	NGUYỄN VÕ MINH THU'	18/08/2004	Nữ	1	20.75	
566	147811	NGUYỄN NGỌC TRÂN TRÂN	29/11/2004	Nữ	3	18.25	
567	147816	BÙI NGỌC MAI TRANG	06/06/2004	Nữ	3	20	

**TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019**  
**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**  
**THPT NGUYỄN VĂN TĂNG**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
568	147922	NGUYỄN THỊ KIM XUÂN	23/09/2004	Nữ	1	18.25	
569	147943	LÊ HUY MINH ANH	08/03/2004	Nam	3	21.75	
570	147988	NGUYỄN NGỌC DIỆP	04/07/2004	Nữ	3	20	
571	148059	TÔN THẤT HOÀNG HUY	31/01/2004	Nam	3	19	
572	148092	NGUYỄN THỊ HOÀNG KIM	03/11/2004	Nữ	1	17.5	
573	148102	LÊ THỊ THẢO LINH	11/07/2004	Nữ	3	21.75	
574	148104	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	18/07/2004	Nữ	3	18	
575	148111	TRẦN HUỶNH THÀNH LỘC	26/03/2004	Nam	2	21	
576	148143	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NGÂN	25/01/2004	Nữ	3	24	
577	148162	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	12/06/2004	Nữ	3	20	
578	148169	CHÂU LÊ PHƯƠNG NHẬT	08/11/2004	Nam	3	18	
579	148193	LÂM HOÀNG PHÚC	28/07/2004	Nam	2	19.5	
580	148228	NGUYỄN ĐỨC TÀI	28/11/2004	Nam	3	19.5	
581	148242	LÂM NGỌC PHƯƠNG THẢO	10/07/2004	Nữ	3	18	
582	148245	TRẦN THANH THẢO	26/12/2004	Nữ	3	18.75	
583	148268	TẠ HOÀI THƯƠNG	09/10/2004	Nữ	2	22.75	
584	148335	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	03/12/2004	Nữ	3	21	
585	167826	HUỶNH VIỆT TRƯỜNG NGUYỄN	04/09/2004	Nữ	3	20.5	